

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 402/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 02 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của các cơ quan Nhà nước tỉnh Thái Nguyên**

#### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;*

*Căn cứ Luật giao dịch điện tử năm 2005;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của các cơ quan Nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo và đôn đốc việc triển khai thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo quy định.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông bảo đảm kỹ thuật, an toàn thông tin cho Cổng Dịch vụ công của tỉnh; theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước của tỉnh Thái Nguyên.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã chủ động rà soát các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, giải quyết, bảo đảm việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 hiệu quả và đạt chỉ tiêu được giao; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tái cấu trúc quy trình điện tử để phù hợp với yêu cầu dịch vụ công trực tuyến.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3713/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Quang Tiến**

**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 4  
CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH THÁI NGUYÊN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 19/02/2021  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

**BIỂU SỐ 1 - CẤP TỈNH**

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
<b>I</b>		<b>BAN DÂN TỘC</b>
1	1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
2	2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
<b>II</b>		<b>BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP</b>
3	1	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
4	2	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh
5	3	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
6	4	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
7	5	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
8	6	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
9	7	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý
10	8	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý
<b>III</b>		<b>TÀI CHÍNH</b>
11	1	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư
12	2	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
13	3	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công
14	4	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư
15	5	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản nhà nước
16	6	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định điểm a,b,c,d,đ và e khoản 1, Điều 41, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
17	7	Quyết định điều chuyển tài sản công
18	8	Quyết định bán tài sản công
19	9	Quyết định thanh lý tài sản công
20	10	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công
21	11	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê
22	12	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết
23	13	Mua quyền hoá đơn
24	14	Mua hóa đơn lẻ
25	15	Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước
26	16	Chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên
27	17	Thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
28	18	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp
29	19	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ
30	20	Thanh toán chi phí liên quan đến bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất
31	21	Đăng ký giá của doanh nghiệp thuộc phạm vi cấp tỉnh
32	22	Quyết định giá thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh
33	23	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ ngân sách
34	24	Quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp thủy sản
35	25	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.
<b>IV</b>		<b>CÔNG THƯƠNG</b>
36	1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương, UBND cấp huyện thực hiện
37	2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương, UBND cấp huyện thực hiện
38	3	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại
39	4	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại
40	5	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
41	6	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ
42	7	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
43	8	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện
44	9	Cấp lại thẻ an toàn điện
45	10	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương
46	11	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương
47	12	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương
48	13	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương
49	14	Cấp Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương
50	15	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương
51	16	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
52	17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
53	18	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
54	19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
55	20	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
56	21	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
57	22	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
58	23	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
59	24	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
60	25	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
61	26	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
62	27	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
63	28	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
64	29	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
65	30	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
66	31	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
67	32	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
68	33	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
69	34	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
70	35	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
71	36	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
72	37	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
73	38	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
74	39	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
75	40	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
76	41	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
77	42	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
78	43	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
79	44	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
80	45	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
81	46	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp
82	47	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
83	48	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
84	49	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
85	50	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương
86	51	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép
87	52	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
88	53	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
89	54	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
90	55	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
91	56	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.



<b>STT</b>		<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>
92	57	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
93	58	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại
94	59	Thông báo hoạt động khuyến mại
95	60	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
96	61	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
97	62	Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
98	63	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
99	64	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
100	65	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
101	66	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
<b>V</b>		<b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>
101	1	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên
102	2	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục
103	3	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục
104	4	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại
105	5	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông
106	6	Giải thể trường trung học phổ thông(theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
107	7	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục
108	8	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục
109	9	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại
110	10	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên
111	11	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
112	12	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú
113	13	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục
114	14	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú
115	15	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
116	16	Thành lập Trung tâm giáo dục thường xuyên
117	17	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại
118	18	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục thường xuyên
119	19	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên
120	20	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học
121	21	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục
122	22	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại
123	23	Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học
124	24	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học)
125	25	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
126	26	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục
127	27	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại
128	28	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
129	29	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)
130	30	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục
131	31	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm
132	32	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm)
133	33	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
134	34	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
135	35	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp
136	36	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục
137	37	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp)
138	38	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương hoặc lớp năng khiếu thể dục, thể thao thuộc trường trung học phổ thông
139	39	Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục
140	40	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
141	41	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
142	42	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
143	43	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại
144	44	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
145	45	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa
146	46	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia
147	47	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục
148	48	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia
149	49	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
150	50	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
151	51	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia
152	52	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên
153	53	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên
154	54	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
155	55	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông
156	56	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học
157	57	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục
158	58	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
159	59	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số
160	60	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người
161	61	Phê duyệt liên kết giáo dục
162	62	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục
163	63	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết
164	64	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
165	65	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
166	66	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
167	67	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
168	68	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài
169	69	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
170	70	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
171	71	Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài
172	72	Xét cấp học bổng chính sách
173	73	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
174	74	Đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy
175	75	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ số gốc
176	76	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ
177	77	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp
<b>VI</b>		<b>GIAO THÔNG VẬN TẢI</b>
178	1	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia
179	2	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia
180	3	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác
181	4	Cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng
182	5	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng
183	6	Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng
184	7	Cấp mới giấy phép lái xe
185	8	Cấp lại giấy phép lái xe
186	9	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam
187	10	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp
188	11	Đổi Giấy phép lái xe do ngành công an cấp
189	12	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
190	13	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
191	14	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác
192	15	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
193	16	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao.
194	17	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế
195	18	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế
196	19	Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác
197	20	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc
198	21	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
199	22	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
200	23	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô
201	24	Cấp giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
202	25	Cấp lại giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
203	26	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
204	27	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
205	28	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào
206	29	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia
207	30	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam
208	31	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
209	32	Đăng ký khai thác tuyến
210	33	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng
211	34	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng
212	35	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (Kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; Kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo rơ moóc hoặc xe sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải).
213	36	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (Kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; Kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo rơ moóc hoặc xe sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải).
214	37	Chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường đang khai thác.
215	38	Chấp thuận thiết kế và cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường đang khai thác.
216	39	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa
217	40	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa
218	41	Công bố lại cảng thủy nội địa
219	42	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa
220	43	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
221	44	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến
222	45	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm



STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
223	46	Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với các công trình
224	47	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương
225	48	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
226	49	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp tổ chức
227	50	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối đường thủy nội địa địa phương
228	51	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa
229	52	Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương
230	53	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải
231	54	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải
232	55	Cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Cơ sở dạy nghề
233	56	Dự kiểm tra lấy chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản
234	57	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung
235	58	Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
236	59	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa rời cảng, bến thủy nội địa
237	60	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế
238	61	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa
239	62	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa
240	63	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa
241	64	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật
242	65	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
243	66	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện
244	67	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác
245	68	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
246	69	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
247	70	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
248	71	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
249	72	Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa vào cảng, bến thủy nội địa
250	73	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
251	74	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
252	75	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang
253	76	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang
254	77	Bãi bỏ đường ngang
255	78	Cấp Giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt
256	79	Gia hạn Giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt
257	80	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt
258	81	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt
259	82	Gia hạn Giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt
260	83	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)
261	84	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo
<b>VII</b>		<b>KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b>
262	1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
263	2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
264	3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
265	4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
266	5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
267	6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
268	7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
269	8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
270	9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
271	10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
272	11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên
273	12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức
274	13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
275	14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế
276	15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
277	16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp
278	17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
279	18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích
280	19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
281	20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
282	21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
283	22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần .
284	23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
285	24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế
286	25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
287	26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
288	27	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
289	28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
290	29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
291	30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
292	31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
293	32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
294	33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
295	34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
296	35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
297	36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
298	37	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
299	38	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
300	39	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
301	40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp
302	41	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp
303	42	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp
304	43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp
305	44	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp
306	45	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
307	46	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
308	47	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
309	48	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
310	49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
311	50	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
312	51	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
313	52	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
314	53	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
315	54	Giải thể doanh nghiệp
316	55	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
317	56	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
318	57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
319	58	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
320	59	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
321	60	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp
322	61	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã
323	62	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
324	63	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
325	64	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
326	65	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia
327	66	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách
328	67	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất
329	68	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập
330	69	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
331	70	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã
332	71	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
333	72	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã
334	73	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
335	74	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
336	75	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã
337	76	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
338	77	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (Đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
339	78	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất



STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
340	79	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất
341	80	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất
342	81	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất
343	82	Thẩm định và phê duyệt các chương trình, dự án NGO
344	83	Thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách
345	84	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu
346	85	Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu
347	86	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu
348	87	Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
349	88	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với DA không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
350	89	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
351	90	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
352	91	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
353	92	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
354	93	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
355	94	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
356	95	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
357	96	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
358	97	Chuyển nhượng dự án đầu tư
359	98	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
360	99	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
361	100	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
362	101	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
363	102	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
364	103	Giãn tiến độ đầu tư
365	104	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
366	105	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
367	106	Thành lập Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
368	107	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
369	108	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
370	109	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
371	110	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
372	111	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
373	112	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
374	113	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
375	114	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
376	115	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
377	116	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách chung do Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ quan chủ quản
378	117	Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách có mục tiêu
379	118	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
380	119	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại
381	120	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng
382	121	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
383	122	Xác nhận chuyên gia
<b>VIII</b>		<b>KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>
384	1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ
385	2	Thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
386	3	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ
387	4	Cấp giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
388	5	Cấp lại giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
389	6	Thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ
390	7	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
391	8	Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước
392	9	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
393	10	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
394	11	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
395	12	Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
396	13	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế)
397	14	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành
398	15	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành
399	16	Công bố sử dụng dấu định lượng
400	17	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng
401	18	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ
402	19	Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu
403	20	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân
404	21	Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia
405	22	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu
406	23	Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu
<b>VIII</b>		<b>LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>
407	1	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp
408	2	Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp
409	3	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
410	4	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
411	5	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
412	6	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
413	7	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động
414	8	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu.
415	9	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III).
416	10	Thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động
417	11	Báo cáo tình hình hoạt động cho thuê lại lao động
418	12	Báo cáo về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động
419	13	Thông báo việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm
420	14	Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa
421	15	Thông báo về việc tuyển dụng lần đầu người dưới 15 tuổi vào làm việc
422	16	Khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
423	17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý)
424	18	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý)

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
425	19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).
426	20	Thông báo doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng A (đối với tổ chức, doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập; doanh nghiệp, đơn vị do địa phương quản lý).
427	21	Khai báo tai nạn lao động
428	22	Gửi biên bản điều tra tai nạn lao động của đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở
429	23	Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ tai nạn lao động đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài
430	24	Báo cáo tai nạn lao động của người sử dụng lao động
431	25	Khai báo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng
432	26	Báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động
433	27	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp
434	28	Kiểm định các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
435	29	Đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày
436	30	Đăng ký Hợp đồng cá nhân
437	31	Đề nghị tắt toán tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày
438	32	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
439	33	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài
440	34	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động
441	35	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
442	36	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
443	37	Thu hồi giấy phép lao động
444	38	Thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập
445	39	Tổ chức lại, giải thể Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định
446	40	Cấp Giấy phép hoạt động Dịch vụ Việc làm cho doanh nghiệp hoạt động Dịch vụ Việc làm.
447	41	Cấp lại giấy phép hoạt động Dịch vụ Việc làm cho doanh nghiệp hoạt động Dịch vụ Việc làm.
448	42	Gia hạn giấy phép hoạt động Dịch vụ Việc làm cho doanh nghiệp hoạt động Dịch vụ Việc làm.
449	43	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
450	44	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
451	45	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương



STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
452	46	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
453	47	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
454	48	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
455	49	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp
456	50	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp
457	51	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp
458	52	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
459	53	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp)
460	54	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp).
461	55	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
462	56	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
463	57	Miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
464	58	Cách chức chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
465	59	Bỏ nhiệm hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
466	60	Miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
467	61	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
468	62	Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
469	63	Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
470	64	Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục
471	65	Bỏ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
472	66	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục
473	67	Miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện
474	68	Bỏ nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh
475	69	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục
476	70	Miễn nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh; trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục
477	71	Công nhận trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
478	72	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập
479	73	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
480	74	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
481	75	Cấp gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
482	76	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
483	77	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân
484	78	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
485	79	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
486	80	Công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật
487	81	Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật
488	82	Điều chỉnh, cấp lại giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi
489	83	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ
490	84	Giám định vết thương còn sót
491	85	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh
492	86	Quyết định trợ cấp hàng tháng hoặc một lần đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945
493	87	Quyết định trợ cấp hàng tháng đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945
494	88	Cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và trợ cấp tiền tuất

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
495	89	Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác.
496	90	Quyết định trợ cấp ưu đãi (hàng tháng hoặc một lần) đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng
497	91	Cấp giấy chứng nhận người hưởng chính sách thương binh và trợ cấp thương tật (gọi chung là thương binh)
498	92	Quyết định trợ cấp tuất hàng tháng đối với thân nhân của người có công với cách mạng đã từ trần.
499	93	Cấp lại bằng Tổ quốc ghi công.
500	94	Quyết định trợ cấp ưu đãi (hàng tháng hoặc một lần) đối với anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong kháng chiến.
501	95	Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân bị tạm đình chỉ chế độ ưu đãi.
502	96	Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công.
503	97	Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ.
504	98	Trợ cấp đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.
505	99	Giải quyết chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc
506	100	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
507	101	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi
508	102	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia.

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
509	103	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em
510	104	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em
<b>X</b>		<b>NGOẠI VỤ</b>
511	1	Xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của Doanh nhân APEC (ABTC)
512	2	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
513	3	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
514	4	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
515	5	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
<b>XI</b>		<b>NỘI VỤ</b>
516	1	Công nhận Ban Vận động thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, hoạt động trong lĩnh vực ngành Nội vụ
517	2	Cho phép thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện
518	3	Phê duyệt Điều lệ Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện
519	4	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện
520	5	Đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện
521	6	Tự giải thể đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện
522	7	Báo cáo tổ chức Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường của hội có hoạt động trong tỉnh, huyện
523	8	Đặt văn phòng đại diện hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
524	9	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập)
525	10	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập)
526	11	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện, xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập)
527	12	Cho phép quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập) hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động
528	13	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập).
529	14	Đổi tên quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có cá nhân, tổ chức người nước ngoài góp tài sản để thành lập).
530	15	Quỹ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, huyện; xã (đối với quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập) tự giải thể
531	16	Thi tuyển công chức
532	17	Xét tuyển công chức
533	18	Thi tuyển viên chức
534	19	Xét tuyển viên chức
535	20	Xét tuyển đặc cách viên chức
536	21	Thành lập xóm (thôn) mới, tổ dân phố mới tỉnh Thái Nguyên
537	22	Phân loại đơn vị hành chính cấp xã
538	23	Thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
539	24	Giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh
540	25	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh
541	26	Tặng Cờ thi đua cấp tỉnh
542	27	Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh
543	28	Tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
544	29	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh về thành tích đột xuất
545	30	Tặng thưởng Bằng khen cấp tỉnh cho gia đình
546	31	Xét, tôn vinh danh hiệu “Doanh nhân tiêu biểu” tỉnh Thái Nguyên
547	32	Xét, tôn vinh danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc” tỉnh Thái Nguyên
548	33	Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
549	34	Đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
550	35	Đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích
551	36	Đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cử trú hợp pháp tại Việt Nam
552	37	Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
553	38	Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh
554	39	Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
555	40	Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
556	41	Thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
557	42	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
558	43	Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương
559	44	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
560	45	Thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức
561	46	Thông báo tổ chức quyền góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP
562	47	Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
563	48	Thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
564	49	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
565	50	Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
566	51	Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
567	52	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
568	53	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo



STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
569	54	Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo
570	55	Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh
571	56	Đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo
572	57	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
573	58	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
574	59	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
575	60	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh
576	61	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
577	62	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh
578	63	Cấp bản sao, chứng thực tài liệu lưu trữ
579	64	Cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ
<b>XII</b>		<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>
580	1	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón
581	2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
582	3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
583	4	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật
584	5	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
585	6	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
586	7	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật
587	8	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật
588	9	Công nhận làng nghề truyền thống
589	10	Công nhận nghề truyền thống
590	11	Công nhận làng nghề
591	12	Hỗ trợ dự án liên kết
592	13	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu
593	14	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu
594	15	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh
595	16	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập
596	17	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức
597	18	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES
598	19	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên
599	20	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp
600	21	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
601	22	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác
602	23	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh
603	24	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng
604	25	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ
605	26	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh
606	27	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thẻ hai mảnh vỏ
607	28	Cấp đổi phiếu kiểm soát thu hoạch sang giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thẻ hai mảnh vỏ
608	29	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản
609	30	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản
610	31	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)
611	32	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP)
612	33	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
613	34	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y)
614	35	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y
615	36	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y
616	37	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)
617	38	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y
618	39	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
619	40	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)
620	41	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại
621	42	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
622	43	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản
623	44	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)
624	45	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
625	46	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận
626	47	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
627	48	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh
628	49	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh
629	50	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm
630	51	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
631	52	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
632	53	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
633	54	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.
634	55	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
635	56	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
636	57	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
637	58	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh
638	59	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
639	60	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
640	61	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
641	62	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
642	63	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý
643	64	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý
644	65	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
645	66	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
646	67	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
647	68	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
648	69	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
649	70	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
650	71	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
651	72	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ).
652	73	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).
653	74	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)
654	75	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực)
655	76	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng
656	77	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên
657	78	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính
658	79	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
659	80	Cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
660	81	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

<b>STT</b>		<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>
661	82	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng
662	83	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng
663	84	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn
664	85	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn
665	86	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
666	87	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ
667	88	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ.
<b>XIII</b>		<b>TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>
668	1	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ
669	2	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học
670	3	Chấp thuận về môi trường (trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)
671	4	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường
672	5	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại
673	6	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại



STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
674	7	Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản
675	8	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình
676	9	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản
677	10	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
678	11	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
679	12	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản
680	13	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản
681	14	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.
682	15	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.
683	16	Đóng cửa mỏ khoáng sản
684	17	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
685	18	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
686	19	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
687	20	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)
688	21	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo
689	22	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
690	23	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại
691	24	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
692	25	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu
693	26	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
694	27	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
695	28	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
696	29	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
697	30	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
698	31	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
699	32	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
700	33	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
701	34	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
702	35	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
703	36	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
704	37	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở
705	38	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
706	39	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận
707	40	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
708	41	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
709	42	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
710	43	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất
711	44	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
712	45	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất
713	46	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm
714	47	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm
715	48	Cấp giấy phép, khai thác sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm
716	49	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm
717	50	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm
718	51	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m <sup>3</sup> / ngày đêm

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
719	52	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác
720	53	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác
721	54	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
722	55	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ
723	56	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
724	57	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành
725	58	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước
726	59	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất
727	60	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh
728	61	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi
729	62	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
730	63	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
731	64	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
<b>XIII</b>		<b>THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</b>
732	1	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
733	2	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn
734	3	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được
735	4	Cấp văn bản xác nhận văn bản thông báo hoạt động bưu chính
736	5	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được
737	6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
738	7	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
739	8	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
740	9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng
741	10	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
742	11	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
743	12	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
744	13	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
745	14	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
746	15	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
747	16	Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
748	17	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan nước ngoài, tổ chức nước ngoài

<b>STT</b>		<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>
749	18	Cấp Giấy phép xuất bản bản tin
750	19	Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin
751	20	Cho phép hợp báo (trong nước)
752	21	Cho phép hợp báo (nước ngoài)
753	22	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh
754	23	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
755	24	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
756	25	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm
757	26	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh
758	27	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm
759	28	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm
760	29	Cấp giấy phép hoạt động in
761	30	Cấp lại giấy phép hoạt động in
762	31	Đăng ký hoạt động cơ sở in
763	32	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in
764	33	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
765	34	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu
<b>XV</b>		<b>TƯ PHÁP</b>
766	1	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.
767	2	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước
768	3	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
769	4	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường
770	5	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam
771	6	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)
772	7	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)
773	8	Cấp bản sao từ sổ gốc
774	9	Cấp bản sao trích lục hộ tịch
775	10	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
776	11	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
777	12	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
778	13	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý
779	14	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý
780	15	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý
781	16	Cấp Thẻ đấu giá viên
782	17	Cấp lại Thẻ đấu giá viên
783	18	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
784	19	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
785	20	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản
786	21	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản
787	22	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến
788	23	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản



STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
789	24	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng
790	25	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
791	26	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
792	27	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác
793	28	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng
794	29	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng
795	30	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)
796	31	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự
797	32	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng
798	33	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên
799	34	Cấp lại Thẻ công chứng viên
800	35	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên
801	36	Thành lập Văn phòng công chứng
802	37	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng
803	38	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng
804	39	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)
805	40	Hợp nhất Văn phòng công chứng
806	41	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
807	42	Sáp nhập Văn phòng công chứng
808	43	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập
809	44	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng
810	45	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng
811	46	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập
812	47	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập
813	48	Thành lập Hội công chứng viên
814	49	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật
815	50	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật
816	51	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh
817	52	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật
818	53	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật
819	54	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp
820	55	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp
821	56	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp
822	57	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp
823	58	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp
824	59	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
825	60	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng
826	61	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất
827	62	Bỏ nhiệm giám định viên tư pháp.
828	63	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp
829	64	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân
830	65	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
831	66	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
832	67	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên
833	68	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản
834	69	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc
835	70	Đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác
836	71	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại
837	72	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại
838	73	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
839	74	Tự chấm dứt hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động
840	75	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi thay đổi địa chỉ trụ từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác
841	76	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
842	77	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quy định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài
843	78	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
844	79	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.
845	80	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
846	81	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
847	82	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
848	83	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam
849	84	Đăng ký tập sự hành nghề thừa phát lại
850	85	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại
851	86	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại
852	87	Cấp lại thẻ Thừa phát lại
853	88	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại
854	89	Đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại
855	90	Thay đổi nội dung Đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại
856	91	Chuyển đổi loại hình Văn phòng Thừa phát lại
857	92	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại
858	93	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại
859	94	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại
860	95	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại
861	96	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi của Văn phòng Thừa phát lại
862	97	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

<b>STT</b>		<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>
863	98	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư
864	99	Bỏ nhiệm Thừa phát lại
865	100	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)
866	101	Bỏ nhiệm Thừa phát lại
<b>XVI</b>		<b>VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH</b>
867	1	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
868	2	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương
869	3	Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập
870	4	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập
871	5	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp
872	6	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia
873	7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật
874	8	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật
875	9	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích
876	10	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích
877	11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích
878	12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích
879	13	Cấp giấy phép phổ biến phim
880	14	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
881	15	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)
882	16	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
883	17	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ
884	18	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng
885	19	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
886	20	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
887	21	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
888	22	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại
889	23	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
890	24	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại
891	25	Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
892	26	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại
893	27	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương
894	28	Cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
895	29	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương
896	30	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương
897	31	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương
898	32	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu
899	33	Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu
900	34	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh
901	35	Thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh
902	36	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh
903	37	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường
904	38	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh
905	39	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường
906	40	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn
907	41	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo
908	42	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
909	43	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
910	44	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam



STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
911	45	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
912	46	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh
913	47	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh
914	48	Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu cấp tỉnh
915	49	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh
916	50	Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam
917	51	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam
918	52	Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam
919	53	Cấp giấy chứng nhận đăng kí hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền UBND tỉnh)
920	54	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
921	55	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
922	56	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
923	57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
924	58	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
925	59	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
926	60	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình
927	61	Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
928	62	Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình
929	63	Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình
930	64	Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình
931	65	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp
932	66	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao
933	67	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận
934	68	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng
935	69	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức
936	70	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức
937	71	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
938	72	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga
939	73	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
940	74	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông
941	75	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo
942	76	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate
943	77	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn
944	78	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker
945	79	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn
946	80	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay
947	81	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao
948	82	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ
949	83	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo
950	84	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness
951	85	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng
952	86	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí
953	87	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
954	88	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam
955	89	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá
956	90	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt
957	91	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin
958	92	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao
959	93	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném
960	94	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu
961	95	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao
962	96	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ
963	97	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao
964	98	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
965	99	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
966	100	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
967	101	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành
968	102	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
969	103	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản
970	104	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
971	105	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm
972	106	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
973	107	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện
974	108	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy
975	109	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
976	110	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài
977	111	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế
978	112	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
979	113	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
980	114	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch
981	115	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
982	116	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

<b>STT</b>		<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>
983	117	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
984	118	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
985	119	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
986	120	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch
<b>XVII</b>		<b>XÂY DỰNG</b>
987	1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh
988	2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.
989	3	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh
990	4	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc
991	5	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc
992	6	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề
993	7	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc
994	8	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam
995	9	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
996	10	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C
997	11	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C
998	12	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP)
999	13	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)
1000	14	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP)
1001	15	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
1002	16	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
1003	17	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
1004	18	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
1005	19	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
1006	20	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
1007	21	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
1008	22	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài
1009	23	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
1010	24	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
1011	25	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)
1012	26	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)
1013	27	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp



STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
1014	28	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)
1015	29	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III
1016	30	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III
1017	31	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành
1018	32	Bỏ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng
1019	33	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động
1020	34	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin
1021	35	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua
1022	36	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
1023	37	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP
1024	38	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư
1025	39	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
1026	40	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
1027	41	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản:
1028	42	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng
1029	43	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh
1030	44	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh
1031	45	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt
1032	46	Lấy ý kiến của các sở: Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh
1033	47	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh
<b>VIII</b>		<b>Y TẾ</b>
1034	1	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
1035	2	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
1036	3	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
1037	4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh
1038	5	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
1039	6	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền
1040	7	Đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế
1041	8	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
1042	9	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
1043	10	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế
1044	11	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
1045	12	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng
1046	13	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo
1047	14	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ
1048	15	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược
1049	16	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
1050	17	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ
1051	18	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
1052	19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
1053	20	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
1054	21	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)
1055	22	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động
1056	23	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt
1057	24	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh
1058	25	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế

STT		THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
1059	26	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
1060	27	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc
1061	28	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước
1062	29	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước
1063	30	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng
1064	31	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT
1065	32	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo
1066	33	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế
1067	34	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A
1068	35	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D
1069	36	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế
1070	37	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D
1071	38	Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế
1072	39	Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế

**BIỂU SỐ 2: CẤP HUYỆN**

<b>TT</b>		<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>
<b>I</b>		<b>LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>
1	1	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền
2	2	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ
3	3	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chinh hình; đi điều trị phục hồi chức năng
4	4	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội cấp huyện
5	5	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội cấp huyện
6	6	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội cấp huyện
7	7	Thủ tục Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi)
8	8	Thực hiện trợ cấp hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố
9	9	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
10	10	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp
11	11	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả đối tượng Người khuyết tật đặc biệt nặng)
12	12	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)
13	13	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc

14	14	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng
15	15	Dùng trợ cấp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện
16	16	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - TBXH
17	17	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - TBXH
18	18	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - TBXH
19	19	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - TBXH
20	20	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - TBXH cấp
21	21	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện
22	22	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp huyện
23	23	“Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân”
24	24	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc UBND tỉnh, Sở, UBND cấp huyện
25	25	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
26	26	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
27	27	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em

<b>II</b>		<b>KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ</b>
28	1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
29	2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
30	3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh
31	4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
32	5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
33	6	Đăng ký thành lập hợp tác xã
34	7	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
35	8	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
36	9	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
37	10	Đăng ký khi hợp tác xã chia
38	11	Đăng ký khi hợp tác xã tách
39	12	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất
40	13	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập
41	14	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
42	15	Giải thể tự nguyện hợp tác xã
43	16	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
44	17	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã
45	18	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã



46	19	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
47	20	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã
48	21	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã
<b>III</b>		<b>TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>
49	1	Đăng ký xác nhận/ đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường
50	2	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất
51	3	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
52	4	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
53	5	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp
54	6	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế
55	7	Đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp
56	8	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
57	9	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp
58	10	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất

59	11	Đăng ký khai thác nước dưới đất
60	12	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh
<b>IV</b>		<b>XÂY DỰNG</b>
61	1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện
62	2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện
63	3	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh
64	4	Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.
65	5	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh
66	6	Cấp giấy phép di dời công trình đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.
67	7	Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.
68	8	Gia hạn đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

69	9	Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.
<b>V</b>		<b>TƯ PHÁP</b>
70	1	Cấp bản sao từ sổ gốc
71	2	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
72	3	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp
73	4	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
74	5	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài
75	6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài
76	7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài
77	8	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
78	9	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
79	10	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)
80	11	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài
81	12	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
82	13	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài
83	14	Cấp bản sao trích lục hộ tịch

84	15	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (giao tiếp nhận cấp xã)
<b>VI</b>		<b>NÔNG NGHIỆP</b>
85	1	Bố trí ổn định dân cư trong huyện
86	2	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh
87	3	Hỗ trợ dự án liên kết
88	4	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)
89	5	Xác nhận bảng kê lâm sản
90	6	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND huyện phê duyệt)
91	7	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện
92	8	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện.
93	9	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).
94	10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).
95	11	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)
96	12	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)
97	13	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
98	14	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản cấp tỉnh

99	15	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản
100	16	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)
101	17	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP)
<b>VII</b>		<b>CÔNG THƯƠNG</b>
102	1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do UBND cấp huyện thực hiện
103	2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do UBND cấp huyện thực hiện
104	3	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
105	4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
106	5	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh
107	6	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu
108	7	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu
109	8	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu
110	9	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
111	10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
112	11	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

113	12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
114	13	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai
115	14	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai

**BIỂU SỐ 3: CẤP XÃ**

<b>TT</b>	<b>TT</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>
<b>I</b>		<b>NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>
1	1	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ.
2	2	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật.
3	3	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
4	4	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở
5	5	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng
6	6	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế
7	7	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn
8	8	“Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình”
9	9	“Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng”
10	10	Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng
11	11	Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng
12	12	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em
13	13	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
14	14	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em
15	15	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em

16	16	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế
17	17	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm
18	18	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo phát sinh trong năm
<b>II</b>		<b>TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>
19	1	Hòa giải tranh chấp đất đai
<b>III</b>		<b>TƯ PHÁP</b>
20	1	Cấp bản sao từ sổ gốc
21	2	Đăng ký khai sinh
22	3	Đăng ký khai tử
23	4	Đăng ký giám hộ
24	5	Đăng ký chấm dứt giám hộ
25	6	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
26	7	Đăng ký lại khai sinh
27	8	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
28	9	Đăng ký lại khai tử
29	10	Cấp bản sao trích lục hộ tịch
30	11	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi
31	12	Đăng ký lại nuôi con nuôi trong nước
32	13	Công nhận hòa giải viên
33	14	Công nhận Tổ trưởng tổ hòa giải viên
34	15	Thôi làm hòa giải viên
35	16	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên



36	17	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải
<b>IV</b>		<b>NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>
37	1	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh
38	2	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai
39	3	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu
40	4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)
41	5	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.
42	6	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.
43	7	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa
4	8	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương